TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Bút;

2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Danh -Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn V, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số 266 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Ngọc T- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N; người đại diện theo ủy

quyền: Ông Đinh Văn N- chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N (Quyết định số 44/QĐ-NH.BT ngày 01/8/2020 của Ngân hàng N về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); địa chỉ trụ sở làm việc: Số 266 P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị D có mặt tại phiên tòa, anh V vắng mặt không có lý do, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N ông Đinh Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/10/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D trình bày:*

Chị D và anh V kết hôn vào ngày 23/10/2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Lăk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh V còn có hành vi bạo lực gia đình và thường xuyên đe dọa chị D, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, chị và anh V sống chung một nhà nhưng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Chị D và anh V có 02 người con chung tên là Võ Văn H, sinh ngày 02/01/2000, Võ Văn H, sinh ngày 17/12/2003. Nếu ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi cháu H và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu H đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020 chị D yêu cầu chia hai tài sản chung của chị D và anh V gồm: 01 Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.972,4m^2, có giới cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 27, phía Đông giáp đường quốc lộ 24, phía Tây giáp kênh mương, phía Nam giáp thửa đất số 66. Về nợ chung: Trước đây vợ chồng chị D có vay tại Ngân hàng N số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), chị D yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay chị với anh V mỗi người trả một phần hai ($^1/_2$) số tiền đã vay. Đến ngày 11/12/2020 chị D rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Võ Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến nay anh Võ Văn V vẫn không có ý kiến gì.*

** Ý kiến của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông N ông Đinh Văn N*: Không khởi kiện yêu cầu đòi nợ đối với vợ chồng chị Lê Thị Ngọc D đã vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và không có yêu cầu gì khác. Trường hợp sau này chị D với anh V vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 217, 218 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn với anh Võ Văn V.

- Về con chung: Giao con chung Võ Văn H, sinh ngày 17/12/2003 cho chị Lê Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng; chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, nợ chung của chị Lê Thị Ngọc D.

- Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Võ Văn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Bị đơn anh Võ Văn V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N ông Đinh Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc D và anh Võ Văn V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Lăk là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D thì trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh V có hành vi bạo lực gia đình và thường xuyên đe dọa chị D. Chị D xác nhận hiện nay hai người đã sống ly thân, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V vẫn không có ý kiến gì, điều đó chứng tỏ chị D và anh V đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị D yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi cháu Võ Văn H, sinh ngày 17/12/2003, anh V đến nay không có ý kiến, để đảm bảo cho cháu H phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đảm bảo về việc học tập, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con và cháu H đã trên 18 tuổi, cơ thể, trí tuệ phát triển bình thường chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/12/2020 chị D rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, Ngân hàng N không có yêu cầu đòi nợ đối với chị D, anh V nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, nợ chung của chị D.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm*

ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc D và anh Võ Văn V.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Văn H, sinh ngày 17/12/2003 cho chị Lê Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng; chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Võ Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia hai giá trị thửa đất số 67, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.972,4m^2 của chị Lê Thị Ngọc D.

4. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia hai khoản nợ tại Ngân hàng N số tiền 1.000.000.000đ của chị Lê Thị Ngọc D.

5. Về án phí*:* Chị Lê Thị Ngọc D phải chịu số tiền 300.000^đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.800.000^đ (*Hai triệu tám trăm ngàn đồng*) chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004886 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho chị D số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/6/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Đ,
huyện Đ, tỉnh Đăk Lăk ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy